

Số: /BC- UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

## BÁO CÁO

### Kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh 6 tháng đầu năm; trọng tâm chỉ đạo, điều hành 6 tháng cuối năm 2024

#### I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

##### 1. Về triển khai các chủ trương, định hướng của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu cho Ban Cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các kế hoạch, báo cáo sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện nghị quyết, kết luận, chỉ thị của trung ương như: Kế hoạch thực hiện Kết luận số 69-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội; Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị (khóa XII) về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh...

Bên cạnh đó, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, cơ chế, chính sách nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức các phiên họp để thảo luận, cho ý kiến vào 91 nội dung, công việc theo thẩm quyền trước khi ban hành và trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành theo quy định. Tại Kỳ họp thứ 18, 19, HĐND tỉnh khóa XVIII đã ban hành 74 nghị quyết, trong đó có 73 nghị quyết liên quan đến các vấn đề kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh được HĐND tỉnh giao UBND tỉnh cụ thể hóa để triển khai thực hiện. Đến nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương, đơn vị liên quan tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện 73/73 nghị quyết, đạt 100%.

## **2. Về chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2024**

Ngay từ cuối năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời tổ chức hội nghị toàn tỉnh triển khai nhiệm vụ năm 2024 và ban hành kế hoạch hành động<sup>1</sup> thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024, với chủ đề công tác “*Kỷ cương - Trách nhiệm - Hành động - Sáng tạo - Phát triển*” và quan điểm chỉ đạo, điều hành “*Trách nhiệm, nỗ lực, linh hoạt, quyết liệt, hiệu quả; tạo chuyển biến thực sự rõ nét trên tất cả các lĩnh vực, địa bàn; phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024*”; đã chỉ đạo xây dựng và ban hành chương trình công tác năm 2024 của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh<sup>2</sup>; kế hoạch khắc phục những hạn chế, yếu kém trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2023<sup>3</sup>; đồng thời, tập trung chỉ đạo giải quyết hiệu quả các khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững năm 2024 như sau:

a) *Trong lĩnh vực nông nghiệp*: UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tốt các biện pháp bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, phòng, chống đói, rét và dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, không để xảy ra dịch bệnh nguy hiểm; tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp; thực hiện có hiệu quả chính sách tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; chỉ đạo các địa phương phát động phong trào “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” gắn với đẩy mạnh triển khai kế hoạch trồng rừng năm 2024; phát triển toàn diện việc khai thác và nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo, thực hiện quyết liệt các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; tăng cường công tác phòng, chống thiên tai, cháy rừng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, cứu hộ, cứu nạn trên biển; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng huyện, xã, thôn, bản nông thôn mới và chương trình mỗi xã một sản phẩm. Đã tổ chức hội nghị sơ kết tình hình thực hiện đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025 và điều chỉnh, bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp với tình hình thực tế, nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân do thiên tai gây ra.

b) *Trong lĩnh vực công nghiệp, đầu tư, xây dựng, giao thông*: UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo nắm chắc tình hình sản xuất kinh doanh, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, nhất là khó khăn, vướng mắc về vật liệu xây dựng, phòng cháy chữa cháy; chủ động phương án sản xuất, vận hành hệ thống điện, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện trong mùa cao điểm nắng nóng; chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và thực hiện các dự án giao

<sup>1</sup> Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023.

<sup>2</sup> Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2024.

<sup>3</sup> Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 17/4/2024.

thông, công nghiệp trọng điểm, quy mô lớn; tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, trật tự xây dựng, thị trường bất động sản; chỉ đạo rà soát, lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định các quy hoạch phân khu, quy hoạch xây dựng chi tiết trong Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp và tại các huyện, thị xã, thành phố; chỉ đạo các ngành, địa phương, đơn vị tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về hồ sơ, thủ tục, giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng lưới điện, truyền tải đoạn qua địa bàn tỉnh, nhất là dự án đường dây 500kV mạch 3 từ Quảng Trạch (Quảng Bình) đến Phố Nối (Hưng Yên) và dự án đường dây 220kV Nậm Sum - Nông Cống...

*c) Trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại:* UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo chuẩn bị các điều kiện để tổ chức thành công Lễ hội du lịch biển năm 2024 và khánh thành quảng trường biển, trục cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn; tổ chức khai trương lễ hội du lịch biển Hải Hòa, biển Hải Tiến; đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa với các tỉnh, thành phố Đồng bằng Sông Hồng mở rộng; tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước về giá, ngăn chặn và xử lý các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý, gây mất ổn định thị trường, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng của doanh nghiệp và Nhân dân; đẩy mạnh phát triển thương mại nội địa, dịch vụ thương mại điện tử, thanh toán điện tử; tổ chức các hội nghị và ban hành giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp kết nối cung - cầu tiêu thụ sản phẩm và kích cầu tiêu dùng trên địa bàn tỉnh; thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa và xuất, nhập khẩu hàng hóa qua cảng Nghi Sơn.

*d) Trong lĩnh vực đầu tư:* UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công; tổ chức nhiều hội nghị trực tuyến giao ban toàn tỉnh về tình hình giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, giải phóng mặt bằng và thu ngân sách nhà nước năm 2024; đã thành lập 05 Tổ công tác do Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm tổ trưởng, trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tại các địa phương, đơn vị; tăng cường quản lý nhà nước về đấu thầu; đẩy mạnh quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách nhà nước; giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; tăng cường quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư vào tỉnh...

*đ) Trong lĩnh vực tài chính, ngân sách:* UBND tỉnh đã kịp thời phân bổ kinh phí, kế hoạch vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án ngay từ đầu năm; chỉ đạo xây dựng các định mức chi đặc thù của tỉnh, nâng cao chất lượng công tác quản lý ngân sách trong việc thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên; chỉ đạo tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thu ngân

sách nhà nước; tăng cường các biện pháp quản lý thuế, chống thất thu, gian lận thuế; thực hiện các biện pháp thu hồi nợ đọng thuế, tiền sử dụng đất; chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách thuế cho doanh nghiệp; giải quyết khó khăn, vướng mắc cho các công ty lâm nghiệp; chỉ đạo xây dựng và phê duyệt danh mục dự án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh; tăng cường quản lý hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất, đấu giá tài sản; thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa để chỉ đạo xử lý trụ sở, tài sản công dôi dư trên địa bàn tỉnh; ban hành quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh); sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Thanh Hóa...

*e) Trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường:* UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện; chỉ đạo rà soát, hoàn thành công tác đo đạc và bản đồ, thống kê đất đai năm 2023; tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc và thực hiện tốt kế hoạch giải phóng mặt bằng năm 2024, nhất là đối với các dự án đầu tư lớn, trọng điểm thuộc lĩnh vực giao thông, công nghiệp, điện năng, đô thị; tập trung thực hiện đề án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024 - 2028; tăng cường xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng đất đai; ngăn chặn và xử lý nghiêm các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; hoàn thành việc cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo xây dựng và phê duyệt đề án di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; tăng cường thực hiện các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học; Ngày Môi trường thế giới, Tháng hành động vì môi trường năm 2024 trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo nâng cao công tác dự báo khí tượng thủy văn và tập trung thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

*f) Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số:* UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất và đời sống; tăng cường thực hiện chuyển đổi số gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng, khắc phục sự cố kỹ thuật Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc; tập trung chỉ đạo chuyển đổi số ở cấp huyện, cấp xã để hoàn thành mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghệ thông tin, sớm đưa vào sử dụng để phát triển chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số trên địa bàn; chỉ đạo đẩy mạnh việc triển khai xây dựng, tích hợp, kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu nhằm phục vụ các cơ quan, đơn vị, người dân và doanh nghiệp.

g) *Trong lĩnh vực đối ngoại, xúc tiến đầu tư:* UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, thông tin đối ngoại; chỉ đạo chuẩn bị tốt các điều kiện để Đoàn đại biểu cấp cao của tỉnh sang thăm, làm việc và chúc Tết cổ truyền Bunpimay tại tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; xúc tiến đầu tư tại Singapore; phối hợp tổ chức buổi gặp gỡ kiều bào tỉnh Thanh Hóa tại tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; đón tiếp Đoàn đại biểu tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang thăm và chúc Tết cổ truyền tại tỉnh Thanh Hóa. Lãnh đạo tỉnh đã tiếp và làm việc với nhiều tổ chức tài chính, công ty, tập đoàn lớn ở trong nước và nước ngoài để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh và kêu gọi, xúc tiến đầu tư vào tỉnh như: Ngân hàng Thế giới, Tập đoàn DIC, Tập đoàn SAB, Tập đoàn Sovico, Tập đoàn WHA, Công ty Cổ phần Tập đoàn TH, Tập đoàn hóa chất Đức Giang, Tập đoàn CMA CGM, Công ty TNHH Long Sơn...

h) *Trong lĩnh vực cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp:* UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, đánh giá và đề ra các giải pháp nâng cao Chỉ số quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức (SINPAS), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); phối hợp tổ chức Lễ công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện (DDCI) tỉnh Thanh Hóa năm 2023; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và tiếp nhận hồ sơ, thủ tục hành chính trên các lĩnh vực; nâng cao tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình; tăng cường hỗ trợ đào tạo và phát triển doanh nghiệp; Chủ tịch UBND tỉnh duy trì việc tiếp và giải quyết các khó khăn, vướng mắc, phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp định kỳ hằng tháng.

i) *Trong lĩnh vực nội vụ, thi đua khen thưởng:* UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Thanh Hóa; Đề án nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa và thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa; Đề án thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; chỉ đạo xây dựng quy định về số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; hoàn thành việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức đối với cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; phê duyệt đề án sắp xếp tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của một số tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức thực hiện tốt công tác sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn các tổ chức hội, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh; phát động thi đua năm 2024, gắn với chuyên đề về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý thức tôn trọng Nhân dân, phát huy dân chủ, không ngừng

nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; chỉ đạo sửa đổi quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

*j) Trong lĩnh vực văn hoá - xã hội:* UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức cho Nhân dân đón Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 trong không khí vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm và nghĩa tình, “không để ai không có Tết”; phối hợp tổ chức Chương trình gặp mặt, tri ân chiến sĩ Điện Biên, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến trực tiếp tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ; Chương trình cầu truyền hình trực tiếp kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 - 7/5/2024); chỉ đạo chuẩn bị các điều kiện tổ chức Lễ kỷ niệm 70 năm đón tiếp đồng bào, cán bộ, chiến sĩ và học sinh miền Nam tập kết ra Bắc; tăng cường kiểm tra công tác quản lý nhà nước về di sản, du lịch; phòng, chống dịch bệnh, giải quyết tình trạng thiếu thuốc, vật tư y tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh, bảo đảm thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, tổ chức tổng kết năm học 2023 - 2024 và tổ chức các kỳ thi, đảm bảo an toàn, khách quan, đúng quy chế và phương án đã ban hành; thực hiện tốt các giải pháp về cung cầu lao động, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững; triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách người có công; thực hiện tốt Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh.

*k) Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh:* UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và công tác quân sự địa phương; chỉ đạo các lực lượng vũ trang tăng cường công tác tuần tra trên các tuyến, địa bàn trọng điểm, thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, không để bất ngờ bị động xảy ra, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 và các sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh; chỉ đạo chuẩn bị tốt các điều kiện cho công tác diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện năm 2024; chỉ đạo các lực lượng Công an tăng cường đấu tranh, trấn áp tội phạm, triệt phá, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hoạt động mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí, chất nổ, vi phạm trật tự an toàn giao thông; chỉ đạo xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng và mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

*l) Trong lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân:* UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Lịch tiếp công dân năm 2024 và tiếp công dân định kỳ theo quy định; chỉ đạo tăng cường trách nhiệm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp, rà soát vụ việc phức tạp, kéo dài, giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, không để phát sinh điểm nóng, nhất là tại các dịp lễ, tết và các sự kiện quan trọng của trung ương và của tỉnh, góp phần ổn định tình hình

an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; trong 6 tháng đầu năm, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã tiếp 15 lượt người, 10 vụ việc và chỉ đạo Ban Tiếp công dân tỉnh tiếp 447 lượt người, 150 vụ việc; chỉ đạo tiếp nhận, phân loại, xử lý 1.271 đơn; ban hành quyết định giải quyết 36 vụ khiếu nại thuộc thẩm quyền. Đã chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra công vụ, việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, trọng tâm là thanh tra việc thực hiện pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai, quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

*m) Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành:* UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan trên địa bàn tỉnh; tổ chức kiểm tra các ngành, địa phương, đơn vị trong việc thi hành pháp luật và thực hiện nhiệm vụ được giao trên các lĩnh vực; đã chỉ đạo xây dựng và ban hành Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 17/4/2024 về khắc phục những hạn chế, yếu kém trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2023 để các ngành, địa phương, đơn vị triển khai thực hiện; ban hành Công văn số 5224/UBND-THKH ngày 16/4/2024 về việc nâng cao chất lượng tham mưu, phối hợp giải quyết công việc và chuẩn bị các nội dung trong chương trình công tác của UBND tỉnh; Công văn số 5224/UBND-THKH ngày 14/5/2024 về việc thực hiện nghiêm việc phối hợp giải quyết công việc và thực hiện trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh...

### **3. Kết quả thực hiện các mục tiêu chủ yếu của Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh**

Tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh, có 15 chỉ tiêu chủ yếu được giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, địa phương triển khai thực hiện; theo báo cáo của các ngành, 06/15 chỉ tiêu chủ yếu có số liệu thống kê 6 tháng đầu năm 2024 (*chi tiết có các Phụ lục kèm theo*).

### **4. Về thực hiện Chương trình công tác của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh năm 2024 và các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao**

*a) Về thực hiện các nội dung trong chương trình công tác:* theo Chương trình công tác năm 2024, trong 6 tháng đầu năm có 70 nội dung trình UBND tỉnh, 05 nội dung trình Chủ tịch UBND tỉnh; đến nay, UBND tỉnh đã xem xét, cho ý kiến 64 nội dung; 02 đề án đã được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý gia hạn thời gian báo cáo và 04 đề án đưa ra ngoài chương trình công tác. Ngoài ra, có 12 nội dung không nằm trong chương trình công tác năm 2024, đã được UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến theo thẩm quyền. Đối với các nội dung trình Chủ tịch UBND tỉnh, các đơn vị đã hoàn thành theo quy định.

*b) Về nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao:* tổng số nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong 6 tháng đầu năm 2024 (tính đến ngày 30/6/2024) là 29.398 nhiệm vụ. Đến nay, các ngành, địa phương, đơn vị đã thực hiện và báo cáo 26.678 nhiệm vụ, đạt 90%, trong đó có 25.871 nhiệm vụ

xử lý đúng hạn, đạt 99,7% và 38 nhiệm vụ xử lý quá hạn; còn lại 2.720 nhiệm vụ đang thực hiện (trong đó có 38 văn bản đang thực hiện đã quá hạn).

*c) Về tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh:* tính đến ngày 30/6/2024, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh đã tiếp nhận 92.924 hồ sơ thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân (tăng 10,45%, tương đương 8.793 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2023); trong đó, đã giải quyết 84.937 hồ sơ, gồm: 59.588 hồ sơ xử lý trước hạn, 25.347 hồ sơ đúng hạn và 02 hồ sơ xử lý quá hạn; hồ sơ đang giải quyết 7.987 hồ sơ (trong hạn 7.987 hồ sơ, không có hồ sơ quá hạn). Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn trong tổng số hồ sơ đã trả cho tổ chức, cá nhân đạt 99,99% (tương đương với cùng kỳ năm 2023).

*d) Về tiếp nhận và giải quyết văn bản hành chính qua Văn phòng UBND tỉnh:* đến ngày 30/6/2024, đã tiếp nhận 36.267 văn bản, trong đó có 15.121 văn bản phải xử lý; đã tham mưu giải quyết 14.835 văn bản (100% văn bản xử lý đúng hạn); gồm: 31 văn bản quy phạm pháp luật, 2.731 quyết định, 158 kế hoạch, 08 chỉ thị, 132 thông báo kết luận, còn lại là các loại văn bản khác. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự 394 cuộc họp, hội nghị làm việc với bộ, ngành trung ương và các ngành, địa phương.

## II. MỘT SỐ HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, cụ thể trên từng lĩnh vực; song, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh vẫn còn một số hạn chế, khó khăn; mặc dù có nguyên nhân khách quan do giá nguyên, nhiên vật liệu tăng cao, một số quy định của pháp luật còn bất cập, chồng chéo,... nhưng có phần trách nhiệm thuộc về công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh<sup>4</sup>.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao của một số ngành, địa phương, đơn vị đạt thấp so với bình quân cả tỉnh và còn một số văn bản xử lý chậm. Chất lượng tham mưu một số công việc chưa đạt yêu cầu, chưa đảm bảo quy trình, trình tự, thủ tục theo quy định<sup>5</sup>; một số đơn vị chưa thực hiện đúng thủ tục gửi văn bản, hồ sơ giải quyết công việc<sup>6</sup>; công tác phối hợp trong giải quyết công việc giữa một số ngành, đơn vị có lúc, có việc chưa chặt chẽ<sup>7</sup>...

<sup>4</sup> Tại báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm 2024.

<sup>5</sup> Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết công việc không đúng thẩm quyền hoặc thuộc thẩm quyền của cấp trên nhưng không tham mưu UBND, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo; nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh nhưng tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh và ngược lại; công việc đã ủy quyền hoặc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, đơn vị, địa phương nhưng vẫn báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; cùng tham mưu, tham gia ý kiến về một vấn đề nhưng chưa có sự thống nhất giữa cấp trường và cấp phó trong một cơ quan, đơn vị.

<sup>6</sup> Văn bản tham mưu ký gửi UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh nhưng không do cấp trưởng ký, đóng dấu theo đúng thẩm quyền; thành phần hồ sơ giải quyết công việc gửi chưa đầy đủ, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh có chất lượng chưa cao, chưa đảm bảo quy định.

<sup>7</sup> Đơn vị chủ trì không chủ động xin ý kiến các cơ quan, đơn vị theo dõi ngành, lĩnh vực khi tham mưu giải quyết công việc; đơn vị được phối hợp thì chậm trễ tham gia ý kiến, nội dung trả lời còn chung chung, không rõ ràng,



3. Việc đề xuất nội dung và chuẩn bị một số đề án trong Chương trình công tác năm 2024 của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ở một số ngành, địa phương chưa đảm bảo yêu cầu về thời gian, chất lượng; chưa phù hợp với tình hình thực tế, chưa đủ cơ sở pháp lý, dẫn đến phải lùi thời gian báo cáo hoặc đưa ra ngoài chương trình công tác năm 2024<sup>8</sup>.

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao của một số ngành, địa phương, đơn vị chưa đạt yêu cầu, tỷ lệ xử lý công việc đạt thấp so với mức trung bình của cả tỉnh; một số địa phương có số lượng văn bản xử lý quá hạn còn cao.

5. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu trong Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 ở một số ngành, địa phương còn hạn chế, đạt thấp so với kế hoạch, như: chỉ tiêu về diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, theo hướng công nghệ cao; chỉ tiêu thành lập mới doanh nghiệp.

6. Kỷ luật, kỷ cương, ý thức chấp hành mệnh lệnh hành chính ở một số đơn vị chưa nghiêm, chưa chủ động, thiếu quyết liệt trong việc chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao; vẫn còn xảy ra sai sót, chậm trễ trong quá trình tham mưu giải quyết công việc trên các lĩnh vực; cụ thể như sau:

- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông để xảy ra sự cố kỹ thuật Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc nhưng chậm được khắc phục, làm ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh<sup>9</sup>.

- Huyện Hà Trung chậm bàn giao các hạng mục công trình đầu môi trạm bơm Hà Giang 2 do UBND huyện Hà Trung làm chủ đầu tư cho Công ty Điện lực Thanh Hóa và Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Bắc sông Mã quản lý, sử dụng theo quy định<sup>10</sup>; chậm trễ trong công tác giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 của các dự án, dẫn đến phải hủy dự toán.

- UBND các huyện: Như Thanh, Nga Sơn, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc, Nông Cống, Ngọc Lặc chậm trễ trong công tác giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 của các dự án, dẫn đến phải hủy dự toán<sup>11</sup>.

### **III. TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

Trong thời gian tới, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp; sức ép về lạm phát, cạnh tranh chiến lược, xung đột địa chính trị, an ninh năng lượng,

---

không bày tỏ quan điểm, chính kiến của đơn vị; một số đơn vị tham mưu vòng vo, đùn đẩy công việc, trách nhiệm của mình cho cơ quan khác; giao cho lãnh đạo phòng chuyên môn, chuyên viên tham gia ý kiến và ký biên bản tại cuộc họp không đúng thẩm quyền.

<sup>8</sup> Có 04 nội dung đưa ra ngoài chương trình công tác và 09 nội dung lùi thời gian báo cáo (trong đó có 03 nội dung do nguyên nhân khách quan).

<sup>9</sup> Công văn 6491/UBND-CNTT ngày 11/5/2024.

<sup>10</sup> Công văn số 6553/UBND-NN ngày 25/5/2020 và Công văn 8125/UBND-NN ngày 10/6/2024.

<sup>11</sup> Công văn 8451/UBND-THKH ngày 14/6/2024.

lượng thực còn nhiều thách thức. Ở trong nước, trong tỉnh, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp; việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng của doanh nghiệp còn khó khăn, tiến độ thực hiện một số dự án lớn, trọng điểm còn chậm, thiếu mặt bằng sạch để thu hút đầu tư...; cùng với những thách thức về thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... là những tác động tiêu cực, ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2024. Trước tình hình đó, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục bám sát chủ đề công tác “*Kỷ cương - Trách nhiệm - Hành động - Sáng tạo - Phát triển*” và quan điểm chỉ đạo, điều hành “*Trách nhiệm, nỗ lực, linh hoạt, quyết liệt, hiệu quả; tạo chuyển biến thực sự rõ nét trên tất cả các lĩnh vực, địa bàn; phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024*”; tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục nắm chắc tình hình, quyết liệt thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, với những trọng tâm sau:

1. Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực; tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá, làm rõ những thuận lợi, khó khăn ở từng ngành, lĩnh vực trong 6 tháng cuối năm, nhất là những khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, thu hút đầu tư, triển khai các dự án...; trên cơ sở đó, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp để phát huy tối đa yếu tố thuận lợi, khắc phục hiệu quả những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2024.

2. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040; khẩn trương hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực theo các quy hoạch đã được phê duyệt; đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định và trình duyệt các quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết trong Khu kinh tế Nghi Sơn và tại các huyện, thị xã, thành phố; tập trung đầu mối, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương để sớm hoàn chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh; sớm hoàn chỉnh hồ sơ các đề án sắp xếp đơn vị hành chính, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua để tổ chức triển khai thực hiện.

3. Chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi số, triển khai hiệu quả Đề án 06 và các dự án thực hiện chuyển đổi số. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn; thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao thứ hạng của các chỉ số PCI, PAR INDEX, PAPI, SIPAS. Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư; tăng cường chỉ đạo giải quyết kịp thời, hiệu quả các khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư ngoài ngân sách, nhất là các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024, các dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang triển khai thực hiện; kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, vi phạm các quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tăng thu ngân sách, phấn đấu tăng 10% so với năm 2023. Thực hiện tốt công tác vận động, thu hút doanh nghiệp xuất khẩu qua Cảng Nghi Sơn, phấn đấu vượt dự toán thu để tận hưởng tối đa cơ chế, chính sách được hưởng theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 của Quốc hội. Chỉ đạo đẩy mạnh cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng chi đầu tư, giảm chi thường xuyên; triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách để dành nguồn lực cho đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách. Chỉ đạo xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025 - 2027. Tập trung chỉ đạo xử lý trụ sở, tài sản công dôi dư trên địa bàn tỉnh.

5. Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, nhất là các dự án đầu tư lớn, trọng điểm và các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án không có khả năng giải ngân, chậm giải ngân để bổ sung vốn cho các dự án có tiến độ thực hiện tốt, giải ngân nhanh; kiên quyết thanh lý hợp đồng đối với các nhà thầu thi công không đảm bảo tiến độ, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết.

6. Chỉ đạo tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội; đẩy mạnh các hoạt động khoa học công nghệ, thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch chuyên đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số; tăng cường công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các biện pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm. Chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ cho năm học 2024 - 2025, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học. Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường lao động, việc làm để có phương án hỗ trợ doanh nghiệp phục vụ sản xuất, kinh doanh; triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chương trình, chính sách giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội.

7. Chỉ đạo tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, trọng tâm là an ninh biên giới, trên biển, an ninh mạng. Chỉ đạo quyết liệt công tác đấu tranh, trấn áp tội phạm, không để tội phạm gia tăng; tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề bức xúc, được cử tri và Nhân dân quan tâm, ổn định tình hình. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống thiên tai, sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn, kịp thời khắc phục sự cố, hậu quả thiên tai; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống cháy nổ; phòng cháy, chữa cháy rừng và tai nạn đuối nước cho trẻ em.

8. Chỉ đạo tập trung tham mưu, cụ thể hóa, triển khai thực hiện các Luật, Nghị định mới ban hành, đặc biệt là Luật đất đai; Luật Căn cước; Luật kinh doanh bất động sản (sửa đổi); Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự...; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu, tạo sự thống nhất trong nhận thức,

nhằm phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp và hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

9. Chỉ đạo siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước, thực hiện các biện pháp mạnh mẽ để nâng cao ý thức, trách nhiệm và chất lượng tham mưu, giải quyết công việc của các sở, ngành, địa phương, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; thực hiện tốt Quy định số 148-QĐ/TW ngày 23/5/2024 của Bộ Chính trị về thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành và tính nghiêm minh của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VP: Chính phủ, Quốc hội, Chủ tịch nước (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các Ban của Tỉnh ủy;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các chuyên viên thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH. (289.2024)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Minh Tuấn**

**Phụ lục 1:**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ TÍCH TỤ, TẬP TRUNG ĐẤT ĐAI; XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ SỐ SẢN PHẨM OCOP ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CẤP TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số 150 /BC-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao năm 2024							Kết quả thực hiện đến ngày 07/6/2024							
		Chỉ tiêu về tích tụ, tập trung đất đai	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao	Xã NTM	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Số sản phẩm OCOP	Chỉ tiêu về tích tụ, tập trung đất đai		Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao	Xã NTM	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	Số sản phẩm OCOP
									Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)						
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.200,0</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>17</b>	<b>19</b>	<b>10</b>	<b>120</b>	<b>4.091,8</b>	<b>66,0</b>			<b>3</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>29</b>
1	Thành phố Thanh Hóa	80					1	5	140	175,0						
2	Thành phố Sầm Sơn	10						3	6	60,0						2
3	Thị xã Bỉm Sơn	40						3	25	62,5						
4	Thị xã Nghi Sơn	230			2	1		5	119,6	52,0						5
5	Huyện Quảng Xương	250		1		2	1	8	255	102,0			1			
6	Huyện Hoằng Hóa	210				2	1	6	103,5	49,3				2	1	6
7	Huyện Nga Sơn	120				2		6	34	28,3			1			
8	Huyện Hậu Lộc	210				1		6	138,9	66,1			1	1		
9	Huyện Yên Định	330				1	1	6	195	59,1						
10	Huyện Đông Sơn	60				1	1	3	35,5	59,2				1		
11	Huyện Thọ Xuân	200		1		2	1	7	180	90,0			1			6
12	Huyện Thiệu Hóa	130				1	1	8	94	72,3				1		



**Phụ lục 2:**

**BẢNG THỐNG KÊ TIẾP NHẬN HỒ SƠ TRỰC TUYẾN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024)**

*(Kèm theo Báo cáo số 150 /BC-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Số TT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ	Trong đó			Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Ghi chú
			Trực tuyến	Trực tiếp	Qua bưu chính công ích			
	<b>Tổng toàn tỉnh</b>	<b>310.601</b>	<b>296.819</b>	<b>2.605</b>	<b>11.207</b>	<b>99,13%</b>	<b>98,47%</b>	
	DVC trực tuyến một phần	175.116	174.348	706	92			
	DVC trực tuyến toàn trình	135.485	122.471	1.899	11.115			
<b>1</b>	<b>Sở, ban, ngành cấp tỉnh</b>	<b>155.027</b>	<b>142.580</b>	<b>1.274</b>	<b>11.173</b>	<b>99,11%</b>	<b>97,91%</b>	Bao gồm cả số liệu trên hệ thống ĐKDN của Sở KH&ĐT
-	DVC trực tuyến một phần	82.934	82.874	0	60			
-	DVC trực tuyến toàn trình	72.093	59.706	1.274	11.113			
<b>2</b>	<b>UBND cấp huyện</b>	<b>27.435</b>	<b>27.380</b>	<b>54</b>	<b>1</b>	<b>99,80%</b>	<b>99,95%</b>	
-	DVC trực tuyến một phần	10.663	10.617	46	0			
-	DVC trực tuyến toàn trình	16.772	16.763	8	1			
<b>3</b>	<b>UBND cấp xã</b>	<b>128.139</b>	<b>126.859</b>	<b>1.277</b>	<b>33</b>	<b>99,00%</b>	<b>98,68%</b>	
-	DVC trực tuyến một phần	81.519	80.857	660	32			
-	DVC trực tuyến toàn trình	46.620	46.002	617	1			

**Ghi chú:** chỉ tiêu về tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến theo Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh:

- **Đối với cấp tỉnh:** tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến 90%; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình 90%.
- **Đối với cấp huyện:** tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến 90%; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình 85%.
- **Đối với cấp xã:** tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến 65%; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình 65%.

**Phụ lục 3:**  
**KẾT QUẢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
*(Kèm theo Báo cáo số 150/BC-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

*Đơn vị tính: Ha.*

Số TT	Tên dự án	Chỉ tiêu theo Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh			Kết quả thực hiện đến ngày 15/6/2024				Tỷ lệ kết quả thực hiện (%)
		Số dự án	Diện tích dự án	Diện tích GPMB năm 2024	Đã ký cam kết GPMB	Đo đạc, kiểm kê	Phê duyệt phương án bồi thường	Chi trả tiền bồi thường	
	<b>Tổng toàn tỉnh</b>	<b>778</b>	<b>6.044,239</b>	<b>2.166,874</b>	<b>2.105,263</b>	<b>2.106,669</b>	<b>1.811,903</b>	<b>1.582,659</b>	<b>73,04</b>
	Dự án đầu tư công	627	2.490,584	1.056,052	992,341	921,528	756,855	625,993	59,28
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	151	3.553,655	1.110,822	1.112,922	1.185,141	1.055,048	956,666	86,12
<b>1</b>	<b>Thị xã Nghi Sơn</b>	<b>59</b>	<b>1.624,810</b>	<b>386,680</b>	<b>326,680</b>	<b>350,050</b>	<b>224,830</b>	<b>207,230</b>	<b>53,59</b>
	Dự án đầu tư công	42	465,920	184,200	137,710	158,050	90,960	56,340	30,59
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	17	1158,890	202,480	188,970	192,000	133,870	150,890	74,52
<b>2</b>	<b>Huyện Quảng Xương</b>	<b>23</b>	<b>349,950</b>	<b>172,240</b>	<b>172,240</b>	<b>161,680</b>	<b>161,580</b>	<b>139,600</b>	<b>81,05</b>
	Dự án đầu tư công	11	49,100	39,890	39,890	31,780	31,780	29,760	74,61
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	12	300,850	132,350	132,350	129,900	129,800	109,840	82,99
<b>3</b>	<b>Huyện Nga Sơn</b>	<b>23</b>	<b>123,216</b>	<b>60,387</b>	<b>62,918</b>	<b>71,821</b>	<b>63,598</b>	<b>58,662</b>	<b>97,14</b>
	Dự án đầu tư công	21	77,516	41,087	25,118	29,021	23,498	18,562	45,18
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	2	45,700	19,300	37,800	42,800	40,100	40,100	207,77
<b>4</b>	<b>Huyện Thiệu Hóa</b>	<b>22</b>	<b>156,390</b>	<b>151,720</b>	<b>153,280</b>	<b>139,210</b>	<b>139,210</b>	<b>132,810</b>	<b>87,54</b>
	Dự án đầu tư công	17	64,580	64,520	64,580	50,510	50,510	44,110	68,37
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	5	91,810	87,200	88,700	88,700	88,700	88,700	101,72



Số TT	Tên dự án	Chỉ tiêu theo Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh			Kết quả thực hiện đến ngày 15/6/2024				Tỷ lệ kết quả thực hiện (%)
		Số dự án	Diện tích dự án	Diện tích GPMB năm 2024	Đã ký cam kết GPMB	Đo đạc, kiểm kê	Phê duyệt phương án bồi thường	Chi trả tiền bồi thường	
<b>5</b>	<b>Thành phố Sầm Sơn</b>	<b>17</b>	<b>301,930</b>	<b>52,240</b>	<b>52,240</b>	<b>60,610</b>	<b>55,960</b>	<b>40,690</b>	<b>77,89</b>
	Dự án đầu tư công	15	122,130	32,740	32,740	41,110	36,460	28,360	86,62
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	2	179,800	19,500	19,500	19,500	19,500	12,330	63,23
<b>6</b>	<b>Huyện Hà Trung</b>	<b>51</b>	<b>460,870</b>	<b>55,822</b>	<b>55,822</b>	<b>84,698</b>	<b>74,966</b>	<b>53,145</b>	<b>95,20</b>
	Dự án đầu tư công	44	194,076	23,123	23,123	16,806	8,688	8,688	37,57
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	7	266,794	32,699	32,699	67,892	66,279	44,457	135,96
<b>7</b>	<b>Huyện Thạch Thành</b>	<b>16</b>	<b>100,175</b>	<b>67,023</b>	<b>67,023</b>	<b>61,123</b>	<b>40,140</b>	<b>40,140</b>	<b>59,89</b>
	Dự án đầu tư công	14	55,215	31,043	31,043	25,143	12,260	12,260	39,49
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	2	44,960	35,980	35,980	35,980	27,880	27,880	77,49
<b>8</b>	<b>Thành phố Thanh Hóa</b>	<b>20</b>	<b>602,060</b>	<b>85,790</b>	<b>85,790</b>	<b>96,770</b>	<b>82,720</b>	<b>43,160</b>	<b>50,31</b>
	Dự án đầu tư công	10	200,370	33,620	33,620	37,080	24,790	17,780	52,89
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	10	401,690	52,170	52,170	59,690	57,930	25,380	48,65
<b>9</b>	<b>Huyện Ngọc Lặc</b>	<b>6</b>	<b>55,310</b>	<b>55,310</b>	<b>55,310</b>	<b>54,850</b>	<b>42,960</b>	<b>42,960</b>	<b>77,67</b>
	Dự án đầu tư công	3	11,550	11,550	11,550	11,090	8,900	8,900	77,06
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	3	43,760	43,760	43,760	43,760	34,060	34,060	77,83
<b>10</b>	<b>Huyện Lang Chánh</b>	<b>5</b>	<b>68,730</b>	<b>65,750</b>	<b>65,750</b>	<b>63,810</b>	<b>50,690</b>	<b>46,690</b>	<b>71,01</b>
	Dự án đầu tư công	2	1,940	1,940	1,940	0,000	0,000	0,000	0,00
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	3	66,790	63,810	63,810	63,810	50,690	46,690	73,17

Số TT	Tên dự án	Chỉ tiêu theo Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh			Kết quả thực hiện đến ngày 15/6/2024				Tỷ lệ kết quả thực hiện (%)
		Số dự án	Diện tích dự án	Diện tích GPMB năm 2024	Đã ký cam kết GPMB	Đo đạc, kiểm kê	Phê duyệt phương án bồi thường	Chi trả tiền bồi thường	
<b>11</b>	<b>Huyện Yên Định</b>	<b>49</b>	<b>85,090</b>	<b>71,000</b>	<b>71,000</b>	<b>64,480</b>	<b>60,480</b>	<b>60,480</b>	<b>85,18</b>
	Dự án đầu tư công	39	56,350	47,140	47,140	38,390	34,390	34,390	72,95
	Dự án của doanh nghiệp	10	28,740	23,860	23,860	26,090	26,090	26,090	109,35
<b>12</b>	<b>Huyện Như Thanh</b>	<b>31</b>	<b>117,425</b>	<b>80,785</b>	<b>80,785</b>	<b>63,235</b>	<b>56,337</b>	<b>56,337</b>	<b>69,74</b>
	Dự án đầu tư công	23	35,740	23,100	23,100	16,050	9,152	9,152	39,62
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	8	81,685	57,685	57,685	47,185	47,185	47,185	81,80
<b>13</b>	<b>Huyện Đông Sơn</b>	<b>44</b>	<b>135,270</b>	<b>100,800</b>	<b>100,800</b>	<b>100,800</b>	<b>100,800</b>	<b>40,060</b>	<b>39,74</b>
	Dự án đầu tư công	43	120,600	86,130	86,130	86,130	86,130	40,060	46,51
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	1	14,670	14,670	14,670	14,670	14,670	0,000	0,00
<b>14</b>	<b>Huyện Triệu Sơn</b>	<b>21</b>	<b>266,948</b>	<b>102,608</b>	<b>102,608</b>	<b>98,569</b>	<b>92,699</b>	<b>88,759</b>	<b>86,50</b>
	Dự án đầu tư công	17	149,701	28,191	28,191	24,509	19,239	16,389	58,14
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	4	117,247	74,417	74,417	74,060	73,460	72,370	97,25
<b>15</b>	<b>Huyện Nông Cống</b>	<b>60</b>	<b>258,048</b>	<b>91,437</b>	<b>79,612</b>	<b>78,562</b>	<b>73,562</b>	<b>71,262</b>	<b>77,94</b>
	Dự án đầu tư công	47	157,016	58,205	50,770	49,720	49,720	47,420	81,47
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	13	101,032	33,232	28,842	28,842	23,842	23,842	71,74
<b>16</b>	<b>Huyện Như Xuân</b>	<b>52</b>	<b>93,505</b>	<b>93,505</b>	<b>93,505</b>	<b>93,285</b>	<b>75,765</b>	<b>70,250</b>	<b>75,13</b>
	Dự án đầu tư công	37	54,965	54,965	54,965	54,745	45,355	44,540	81,03
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	15	38,540	38,540	38,540	38,540	30,410	25,710	66,71



Số TT	Tên dự án	Chỉ tiêu theo Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh			Kết quả thực hiện đến ngày 15/6/2024				Tỷ lệ kết quả thực hiện (%)
		Số dự án	Diện tích dự án	Diện tích GPMB năm 2024	Đã ký cam kết GPMB	Đo đạc, kiểm kê	Phê duyệt phương án bồi thường	Chi trả tiền bồi thường	
<b>23</b>	<b>Huyện Cẩm Thủy</b>	<b>16</b>	<b>67,502</b>	<b>55,122</b>	<b>55,122</b>	<b>43,632</b>	<b>41,152</b>	<b>41,132</b>	<b>74,62</b>
	Dự án đầu tư công	13	31,702	25,122	25,122	13,632	12,132	12,112	48,21
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	3	35,800	30,000	30,000	30,000	29,020	29,020	96,73
<b>24</b>	<b>Huyện Hoằng Hóa</b>	<b>62</b>	<b>125,665</b>	<b>73,605</b>	<b>73,605</b>	<b>62,705</b>	<b>55,914</b>	<b>55,524</b>	<b>75,43</b>
	Dự án đầu tư công	52	96,285	56,645	56,645	45,945	40,144	39,974	70,57
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	10	29,380	16,960	16,960	16,760	15,770	15,550	91,69
<b>25</b>	<b>Huyện Hậu Lộc</b>	<b>23</b>	<b>111,936</b>	<b>58,749</b>	<b>58,749</b>	<b>53,243</b>	<b>41,624</b>	<b>41,624</b>	<b>70,85</b>
	Dự án đầu tư công	19	61,099	30,562	30,562	30,363	27,454	27,454	89,83
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	4	50,837	28,187	28,187	22,880	14,170	14,170	50,27
<b>26</b>	<b>Huyện Vĩnh Lộc</b>	<b>32</b>	<b>107,978</b>	<b>61,740</b>	<b>61,740</b>	<b>49,900</b>	<b>48,950</b>	<b>42,231</b>	<b>68,40</b>
	Dự án đầu tư công	25	33,528	14,798	14,798	7,208	7,208	5,739	38,78
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	7	74,450	46,942	46,942	42,692	41,742	36,492	77,74
<b>27</b>	<b>Huyện Thọ Xuân</b>	<b>55</b>	<b>501,850</b>	<b>60,360</b>	<b>60,360</b>	<b>129,860</b>	<b>118,120</b>	<b>104,550</b>	<b>173,21</b>
	Dự án đầu tư công	48	236,670	38,860	38,860	61,350	54,120	44,520	114,57
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	7	265,180	21,500	21,500	68,510	64,000	60,030	279,21

**Phụ lục 4:**  
**KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**  
*(Kèm theo Báo cáo số 150 /BC-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

*Đơn vị tính: Doanh nghiệp.*

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch năm 2024	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Cùng kỳ
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.000</b>	<b>1.361</b>	<b>1.272</b>	<b>45,37</b>	<b>107,0</b>
<b>I</b>	<b>Vùng đồng bằng</b>	<b>2.120</b>	<b>864</b>	<b>796</b>	<b>40,8</b>	<b>108,5</b>
1	Thành phố Thanh Hóa	1.470	491	480	33,4	102,3
2	Thị xã Bỉm Sơn	80	41	41	51,3	100,0
3	Huyện Thọ Xuân	150	83	69	55,3	120,3
4	Huyện Đông Sơn	60	17	41	28,3	41,5
5	Huyện Nông Cống	65	58	29	89,2	200,0
6	Huyện Triệu Sơn	75	59	44	78,7	134,1
7	Huyện Hà Trung	50	27	14	54,0	192,9
8	Huyện Yên Định	70	35	36	50,0	97,2
9	Huyện Thiệu Hoá	55	35	28	63,6	125,0
10	Huyện Vĩnh Lộc	45	18	14	40,0	128,6
<b>II</b>	<b>Vùng ven biển</b>	<b>620</b>	<b>345</b>	<b>327</b>	<b>55,6</b>	<b>105,5</b>
1	Thành phố Sầm Sơn	145	69	60	47,6	115,0
2	Thị xã Nghi Sơn	165	89	99	53,9	89,9
3	Huyện Hậu Lộc	55	29	18	52,7	161,1
4	Huyện Hoằng Hoá	115	69	58	60,0	119,0
5	Huyện Quảng Xương	90	60	60	66,7	100,0
6	Huyện Nga Sơn	50	29	32	58,0	90,6
<b>III</b>	<b>Vùng miền núi</b>	<b>260</b>	<b>152</b>	<b>149</b>	<b>58,5</b>	<b>102,0</b>
1	Huyện Thạch Thành	45	27	21	60,0	128,6
2	Huyện Cẩm Thủy	40	21	15	52,5	140,0
3	Huyện Ngọc Lặc	50	28	40	56,0	70,0
4	Huyện Lang Chánh	10	5	6	50,0	83,3
5	Huyện Như Xuân	15	12	16	80,0	75,0
6	Huyện Như Thanh	40	16	23	40,0	69,6
7	Huyện Thường Xuân	15	16	9	106,7	177,8
8	Huyện Bá Thước	20	12	12	60,0	100,0
9	Huyện Quan Hoá	10	5	2	50,0	250,0
10	Huyện Quan Sơn	10	9	5	90,0	180,0
11	Huyện Mường Lát	5	1		20,0	

**Phụ lục 5:****TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ CHUẨN BỊ CÁC ĐỀ ÁN TRONG CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC  
NĂM 2024 CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH**

(Kèm theo Báo cáo số 150/BC-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung	Thời gian phải báo cáo	Thời gian báo cáo thực tế	Tiến độ thực hiện
<b>A</b>	<b>CÁC NỘI DUNG TRÌNH UBND TỈNH</b>				
<b>I</b>	<b>Các nội dung đã báo cáo UBND tỉnh</b>				
1	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tháng 1, nhiệm vụ trọng tâm tháng 2 năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 1	Tháng 1	Đảm bảo
2	Sửa đổi, cập nhật, bổ sung ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tháng 1	Tháng 1	Đảm bảo
3	Báo cáo đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 của các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Sở Nội vụ	Tháng 1	Tháng 1	Đảm bảo
4	Bãi bỏ tiết 1.7.2 điểm 1.7 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 1	Tháng 1	Đảm bảo
5	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Sầm Sơn đến năm 2045	UBND thành phố Sầm Sơn	Tháng 1	Tháng 1	Đảm bảo
6	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tháng 2, nhiệm vụ trọng tâm tháng 3 năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 2	Tháng 2	Đảm bảo
7	Quy định về số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	Sở Nội vụ	Tháng 2	Tháng 2	Đảm bảo
8	Chính sách hỗ trợ tiền ăn thêm đối với một số nhóm đối tượng đang chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tháng 2	Tháng 2	Đảm bảo

Số TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung	Thời gian phải báo cáo	Thời gian báo cáo thực tế	Tiến độ thực hiện
9	Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng 2	Tháng 2	Đảm bảo
10	Giao thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, tỉnh Thanh Hóa năm 2024	Sở Tài chính	Tháng 2	Tháng 2	Đảm bảo
11	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và vốn ngân sách địa phương từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Thanh Hóa	Sở Tài chính	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
12	Phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
13	Phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 3)	Ban Dân tộc	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
14	Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Ban Dân tộc	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
15	Danh mục dự án phải thu hồi đất, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh năm 2024 (đợt 2)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
16	Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Ban Dân tộc	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo

Số TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung	Thời gian phải báo cáo	Thời gian báo cáo thực tế	Tiến độ thực hiện
17	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 các khu vực thuộc Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	UBND thành phố Thanh Hóa	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
18	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh Quý I, nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
19	Ban hành quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh (thay thế Quyết định số 2687/2015/QĐUBND ngày 23/7/2015 của UBND tỉnh)	Sở Công Thương	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
20	Báo cáo tình hình thu hút đầu tư và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư lớn, trọng điểm trên địa bàn tỉnh 3 tháng đầu năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
21	Ban hành định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Tài chính	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
22	Báo cáo thu chi ngân sách quý I, nhiệm vụ quý II năm 2024	Sở Tài chính	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
23	Đề án thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Sở Nội vụ	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
24	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh, thực hiện từ năm học 2021 - 2022	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
25	Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030	Sở Xây dựng	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
26	Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính quý I, nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2024	Sở Nội vụ	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
27	Báo cáo tình hình thực hiện công tác phòng chống tham nhũng Quý I, kế hoạch thực hiện Quý II năm 2024	Thanh tra tỉnh	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
28	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tháng 4, nhiệm vụ trọng tâm tháng 5 năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 4	Tháng 4	Đảm bảo



Số TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung	Thời gian phải báo cáo	Thời gian báo cáo thực tế	Tiến độ thực hiện
29	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy trình chuyển đổi, đầu tư xây dựng và quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Công Thương	Tháng 4	Tháng 4	Đảm bảo
30	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tháng 4	Tháng 4	Đảm bảo
31	Đề án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp phía Tây thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN	Tháng 4	Tháng 4	Đảm bảo
32	Danh mục các dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2024 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 4	Tháng 4	Đảm bảo
33	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tháng 5, nhiệm vụ trọng tâm tháng 6 năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo
34	Đề án đặt tên đường phố trên địa bàn thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa	UBND huyện Quan Sơn	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo
35	Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp	Sở Y tế	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo
36	Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Sở Tài chính	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo
37	Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo
38	Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo
39	Sửa đổi Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định các tiêu chí và trình tự, thủ tục xét, công nhận các danh hiệu kiểu mẫu	Sở Nội vụ	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo
40	Đề án đặt tên đường, phố tại thị trấn Thiệu Hóa và thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa	UBND huyện Thiệu Hóa	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo

Số TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung	Thời gian phải báo cáo	Thời gian báo cáo thực tế	Tiến độ thực hiện
41	Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 15, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo
42	Đồ án quy hoạch mở rộng phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo
43	Chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp phía Tây thành phố Thanh Hóa; Khu công nghiệp Giang Quang Thịnh, huyện Thiệu Hóa	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo
44	Danh mục dự án phải thu hồi đất, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh năm 2024 (đợt 3)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo
45	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiêu chí đặc thù đối với đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa; quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá; phân công, phân cấp quản lý tàu cá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo
46	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 6	Tháng 6	Đảm bảo
47	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 6	Tháng 6	Đảm bảo
48	Báo cáo tình hình thu hút đầu tư và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư lớn, trọng điểm trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 6	Tháng 6	Đảm bảo
49	Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh 6 tháng đầu năm; trọng tâm chỉ đạo, điều hành 6 tháng cuối năm 2024	Văn phòng UBND tỉnh	Tháng 6	Tháng 6	Đảm bảo
50	Báo cáo thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024	Sở Tài chính	Tháng 6	Tháng 6	Đảm bảo

Số TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung	Thời gian phải báo cáo	Thời gian báo cáo thực tế	Tiến độ thực hiện
51	Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024	Sở Nội vụ	Tháng 6	Tháng 6	Đảm bảo
52	Báo cáo tình hình thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024	Thanh tra tỉnh	Tháng 6	Tháng 6	Đảm bảo
53	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2381/2012/QĐ-UBND ngày 27/7/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng 6	Tháng 6	Đảm bảo
54	Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ đối với các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục; trẻ em, giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng 6	Tháng 6	Đảm bảo
55	Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII) về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 6	Tháng 6	Đảm bảo
56	Chủ trương đầu tư dự án Nhà máy điện khí LNG Nghi Sơn, Khu kinh tế Nghi Sơn	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN	Tháng 6	Tháng 6	Đảm bảo
<b>II</b>	<b>Các nội dung lùi thời gian báo cáo</b>				
*	<i>Các nội dung đã báo cáo</i>				
1	Quy định mức chi phí đào tạo, mức hỗ trợ đào tạo đối với từng nhóm đối tượng tham gia chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tháng 2	Tháng 4	Theo chương trình hợp của UBND tỉnh
2	Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 - 2025	Sở Nội vụ	Tháng 3	Tháng 4	Theo chương trình hợp của UBND tỉnh
3	Đề án nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa	Sở Nội vụ	Tháng 3	Tháng 4	Theo chương trình hợp của UBND tỉnh

Số TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung	Thời gian phải báo cáo	Thời gian báo cáo thực tế	Tiến độ thực hiện
4	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 303/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Thanh Hóa	UBND thành phố Thanh Hóa	Tháng 5	Tháng 6	Theo chương trình họp của UBND tỉnh
5	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 298/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Sầm Sơn	UBND thành phố Sầm Sơn	Tháng 5	Tháng 6	Theo chương trình họp của UBND tỉnh
6	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 299/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển huyện Thọ Xuân	UBND huyện Thọ Xuân	Tháng 5	Tháng 6	Theo chương trình họp của UBND tỉnh
7	Sơ kết thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 19/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển huyện Mường Lát đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển huyện Mường Lát	UBND huyện Mường Lát	Tháng 5		Đã sơ kết nghị quyết và không đề nghị điều chỉnh chính sách
8	Sửa đổi Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Nội vụ	Tháng 4	Tháng 6	Theo chương trình họp của UBND tỉnh
*	<b>Các nội dung chưa nghe báo cáo</b>				
1	Đề án thành lập Bệnh viện lão khoa	Sở Y tế	Tháng 3		Theo chương trình họp của UBND tỉnh
2	Sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2021 - 2026	Văn phòng UBND tỉnh	Tháng 3		Theo chương trình họp của UBND tỉnh
<b>III</b>	<b>Các nội dung đưa ra ngoài chương trình công tác</b>				
1	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh ban hành quy định danh mục địa bàn (thôn, bản) và khoảng cách học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh theo quy định tại nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng 5		Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi; dự kiến sửa đổi thẩm quyền ban hành là của UBND tỉnh

Số TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung	Thời gian phải báo cáo	Thời gian báo cáo thực tế	Tiến độ thực hiện
2	Ban hành định mức chi cho công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 4		Bộ Khoa học và Công nghệ đang xây dựng hướng dẫn
3	Chính sách hỗ trợ các sản phẩm đạt chuẩn OCOP thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 5		Đã được quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
4	Đề án xã hội hoá đầu tư, khai thác Cảng hàng không Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sở Giao thông vận tải	Tháng 6		Đã hoàn chỉnh dự thảo; tuy nhiên, Bộ Chính trị chưa thông qua đề án chung
<b>IV</b>	<b>Các nội dung không thuộc Chương trình công tác năm 2024, nhưng được UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến tại các phiên họp</b>				
1	Giao bổ sung biên chế tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh năm 2024	Sở Nội vụ		Tháng 1	
2	Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam được thực hiện trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 1	
3	Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 3029/2017/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường		Tháng 1	
4	Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt và phương án giá nước sạch của 14 doanh nghiệp cấp nước	Sở Tài chính		Tháng 1	
5	Quyết định của UBND tỉnh về ban hành giá dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tháng 1	
6	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa tại Thông báo số 504/TB-VPCP ngày 05/12/2023 của Văn phòng Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh		Tháng 3	

Số TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung	Thời gian phải báo cáo	Thời gian báo cáo thực tế	Tiến độ thực hiện
7	Đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Tài chính		Tháng 3	
8	Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn đầu tư từ nguồn sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh cho các nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng của các xã có dự án thuộc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi giai đoạn 2021 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 3	
9	Ủy quyền phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Sở Nội vụ		Tháng 3	
10	Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cho Trường Đại học Hồng Đức và Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	Sở Tài chính		Tháng 4	
11	Ban hành số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng cấp tỉnh; Ủy ban MTTQ tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Thanh Hóa	Sở Tài chính		Tháng 4	
12	Sửa đổi Nghị quyết 287/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2022 - 2023 đến hết năm học 2025 - 2026	Sở Giáo dục và Đào tạo		Tháng 4	
13	Đăng ký các nội dung trình HĐND tỉnh khóa XVIII tại Kỳ họp thứ 19	Văn phòng UBND tỉnh		Tháng 4	

Số TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung	Thời gian phải báo cáo	Thời gian báo cáo thực tế	Tiến độ thực hiện
14	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các dự án theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 16/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 5	
15	Đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 do tỉnh quản lý - đợt 1	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 5	
16	Đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 - đợt 5	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 5	
17	Điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 301/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh về phân bổ vốn từ nguồn ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 5	
18	Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 - đợt 3	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 5	
19	Quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất một số dự án trên địa bàn thị xã Nghi Sơn để tạo nguồn vốn đối ứng thực hiện dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia	Sở Tài chính		Tháng 5	
20	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa	Sở Tài chính		Tháng 5	
21	Phương án phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 - đợt 2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		Tháng 5	
22	Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 - đợt 2	Ban Dân tộc		Tháng 5	

Số TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung	Thời gian phải báo cáo	Thời gian báo cáo thực tế	Tiến độ thực hiện
23	Điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, năm 2023 và điều chỉnh danh mục đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 của một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	Ban Dân tộc		Tháng 5	
24	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng và mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Công an tỉnh		Tháng 5	
25	Bãi bỏ Nghị quyết số 115/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa bằng container qua cảng Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 338/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp		Tháng 5	
26	Bộ tài liệu xúc tiến đầu tư sử dụng công nghệ số	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh		Tháng 6	
27	Nghe báo cáo về đề xuất ý tưởng triển khai một số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần tập đoàn Sovico	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 6	
<b>B</b>	<b>CÁC NỘI DUNG TRÌNH CHỦ TỊCH UBND TỈNH</b>				
<b>I</b>	<b>Nội dung đã có quyết định phê duyệt</b>				
1	Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Thanh Hóa năm 2024	Sở Tài chính	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
2	Quy hoạch chung đô thị Trâu, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030	UBND huyện Nông Cống	Tháng 3	Tháng 3	Đảm bảo
3	Kế hoạch tổ chức hội nghị kết nối cung - cầu và trưng bày giới thiệu sản phẩm nông sản thực phẩm an toàn tỉnh Thanh Hóa năm 2024	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 4	Tháng 4	Đảm bảo



Số TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung	Thời gian phải báo cáo	Thời gian báo cáo thực tế	Tiến độ thực hiện
4	Sửa đổi quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (thay thế Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Sở Nội vụ	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo
5	Đề án phân loại xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí đô thị loại V	UBND huyện Quảng Xương	Tháng 5	Tháng 5	Đảm bảo

**Phụ lục 6:**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 06 THÁNG 06 ĐẦU NĂM 2024 CỦA CÁC ĐƠN VỊ**  
*(Kèm theo Báo cáo số 150 /BC-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số công việc được giao			Đã thực hiện và báo cáo				Đang thực hiện				Tỷ lệ so sánh	
		Tổng số	Có hạn thời gian	Không hạn thời gian	Tổng số	Chậm	Đúng thời gian quy định	Không hạn thời gian	Tổng số	Đang thực hiện trong hạn	Đang thực hiện đã quá hạn	Không hạn thời gian	Công việc đã thực hiện (%)	Đã thực hiện đúng hạn (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>27.568</b>	<b>25.892</b>	<b>1.676</b>	<b>24.683</b>	<b>38</b>	<b>23.916</b>	<b>729</b>	<b>2.861</b>	<b>1.886</b>	<b>28</b>	<b>947</b>	<b>89,5</b>	<b>99,7</b>
1	Văn phòng UBND tỉnh	13.493	13.493		13.219		13.219		274	274			97,9	100
2	Ban Dân tộc	141	94	47	99	0	80	19	42	14	0	28	70	100
3	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn	205	171	34	141	0	121	20	63	49	0	14	68	100
4	Sở Công Thương	274	258	16	225	0	213	12	42	38	0	4	82	100
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	255	252	3	233	0	231	2	22	21	0	1	91	100
6	Sở Giao thông Vận tải	462	452	10	411	0	410	1	51	42	0	9	88	100
7	Sở Khoa học và Công nghệ	146	118	28	118	0	94	24	26	22	0	4	80	100
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	812	627	185	708	0	557	151	101	67	0	34	87	100
9	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	210	176	34	169	0	146	23	41	30	0	11	80	100
10	Sở Ngoại vụ	138	121	17	121	1	106	14	17	14	0	3	87	99,07
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	548	505	43	479	0	464	15	68	40	0	28	87	100
12	Sở Nội vụ	649	549	100	545	2	516	27	104	30	1	73	83	99,42
13	Sở Tài chính	781	598	183	661	2	528	131	119	65	2	52	84	99,25

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số công việc được giao			Đã thực hiện và báo cáo				Đang thực hiện				Tỷ lệ so sánh	
		Tổng số	Có hạn thời gian	Không hạn thời gian	Tổng số	Chậm	Đúng thời gian quy định	Không hạn thời gian	Tổng số	Đang thực hiện trong hạn	Đang thực hiện đã quá hạn	Không hạn thời gian	Công việc đã thực hiện (%)	Đã thực hiện đúng hạn (%)
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	1057	805	252	820	1	715	104	235	84	3	148	77	99,44
15	Sở Thông tin và Truyền thông	321	308	13	277	0	277	0	44	31	0	13	86	100
16	Sở Tư pháp	386	374	12	351	0	346	5	34	27	0	7	90	100
17	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	401	389	12	359	0	357	2	42	32	0	10	89	100
18	Sở Xây dựng	539	488	51	424	2	413	9	112	70	0	42	78	99,52
19	Sở Y tế	225	172	53	176	0	150	26	49	22	0	27	78	100
20	Thanh tra tỉnh	224	185	39	177	0	156	21	47	29	0	18	79	100
21	UBND huyện Bá Thước	181	173	8	148	0	146	2	33	27	0	6	81	100
22	UBND huyện Cẩm Thủy	148	130	18	105	0	103	2	43	27	0	16	70	100
23	UBND huyện Hà Trung	184	181	3	149	0	149	0	35	32	0	3	80	100
24	UBND huyện Hoảng Hoá	332	328	4	293	0	289	4	39	39	0	0	88	100
25	UBND huyện Hậu Lộc	262	253	9	220	0	219	1	42	34	0	8	83	100
26	UBND huyện Lang Chánh	205	169	36	128	5	122	1	77	25	17	35	62	84,72
27	UBND huyện Mường Lát	265	221	44	209	0	193	16	56	28	0	28	78	100
28	UBND huyện Nga Sơn	260	253	7	224	0	219	5	35	33	0	2	86	100
29	UBND huyện Ngọc Lặc	265	215	50	213	1	191	21	52	21	2	29	80	98,45
30	UBND huyện Như Thanh	248	241	7	216	0	216	0	32	25	0	7	87	100
31	UBND huyện Như Xuân	222	176	46	153	2	151	0	69	23	0	46	68	98,69
32	UBND huyện Nông Cống	208	200	8	159	1	157	1	49	42	0	7	76	99,37

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số công việc được giao			Đã thực hiện và báo cáo				Đang thực hiện				Tỷ lệ so sánh	
		Tổng số	Có hạn thời gian	Không hạn thời gian	Tổng số	Chậm	Đúng thời gian quy định	Không hạn thời gian	Tổng số	Đang thực hiện trong hạn	Đang thực hiện đã quá hạn	Không hạn thời gian	Công việc đã thực hiện (%)	Đã thực hiện đúng hạn (%)
33	UBND huyện Quan Hoá	147	127	20	107	0	99	8	40	28	0	12	72	100
34	UBND huyện Quan Sơn	193	178	15	151	2	149	0	42	27	0	15	78	98,68
35	UBND huyện Quảng Xương	213	162	51	125	0	125	0	87	34	2	51	58	98,43
36	UBND huyện Thiệu Hoá	162	145	17	130	0	117	13	32	28	0	4	80	100
37	UBND huyện Thường Xuân	228	215	13	184	4	178	2	44	33	0	11	80	97,8
38	UBND huyện Thạch Thành	226	225	1	200	0	200	0	26	25	0	1	88	100
39	UBND huyện Thọ Xuân	182	158	24	127	0	125	2	55	32	1	22	69	99,21
40	UBND huyện Triệu Sơn	300	289	11	264	0	259	5	36	30	0	6	88	100
41	UBND huyện Vĩnh Lộc	125	119	6	100	0	96	4	25	23	0	2	80	100
42	UBND huyện Yên Định	156	136	20	108	0	108	0	48	28	0	20	69	100
43	UBND huyện Đông Sơn	324	282	42	243	0	243	0	81	39	0	42	75	100
44	UBND thành phố Sầm Sơn	253	236	17	203	0	196	7	50	40	0	10	80	100
45	UBND thành phố Thanh Hoá	441	407	34	347	14	307	26	93	85	0	8	78	95,64
46	UBND thị xã Bỉm Sơn	242	222	20	189	1	188	0	53	33	0	20	78	99,47
47	UBND thị xã Nghi Sơn	328	315	13	275	0	272	3	53	43	0	10	83	100

**Ghi chú:**

1. Toàn bộ công việc được theo dõi trên phần mềm "Hệ thống theo dõi thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh Thanh Hóa" (<http://theodoinhiemvu.thanhhoa.gov.vn>).
2. Cách tính tỷ lệ: Cột 14 = cột 6 x 100 : cột 3; Cột 15 = Cột 8 x 100 : (cột 7 + cột 8 + cột 12 ).